

Soạn bài Ôn tập phần tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

Gợi ý trả lời câu hỏi ôn tập (tr. 138, 139 - SGK)

Câu 1: Hoạt động giao tiếp là gì? Có những nhân tố giao tiếp nào tham gia và chi phối hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ? Trong hoạt động giao tiếp có những quá trình nào?

Trả lời:

* **Hoạt động giao tiếp** là việc trao đổi tư tưởng, tình cảm (tức trao đổi thông tin) giữa con người với con người trong xã hội.

* **Các nhân tố giao tiếp gồm:**

- Nhân vật giao tiếp, gồm có: người nói và người nghe.
- Nội dung giao tiếp: thông tin, thông điệp, ngôn bản...
- Mục đích giao tiếp: (gọi tắt là đích) là chủ đích mà các hành vi giao tiếp hướng tới.
- Hoàn cảnh giao tiếp: gồm thời gian, địa điểm, phương tiện, cách thức giao tiếp.

* **Các nhân tố trong hoạt động giao tiếp** nêu trên chi phối nội dung giao tiếp (tức ảnh hưởng tới nội dung thông điệp). Điều này nghĩa là, với những người nói, người nghe khác nhau, trong những điều kiện, hoàn cảnh giao tiếp khác nhau, ý nghĩa của từ ngữ trong văn bản (nói hoặc viết) cũng khác nhau.

Ngoài ra, trong hoạt động giao tiếp, các nhân tố trên đây còn tạo ra các loại “thông điệp” khác ngoài ngôn ngữ như điệu bộ, cử chỉ, hành vi..., nhằm bổ sung ý nghĩa cho lời.

* **Trong hoạt động giao tiếp có hai quá trình cơ bản:**

- Quá trình tạo lập văn bản (nói, viết).
- Quá trình tiếp nhận văn bản (nghe, đọc).

Câu 2: Lập bảng so sánh đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (theo mẫu SGK, trang 138).

Trả lời:

	Hoàn cảnh và điều kiện sử dụng	Các yếu tố phụ trợ
Ngôn ngữ	Thường dùng trong giao tiếp tự nhiên hằng ngày, trong đó người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, có thể thay phiên nhau trong vai trò nói và nghe. Do đó người nghe có	Ngôn ngữ nói rất đa dạng về ngữ điệu. Ngữ điệu là yếu tố quan trọng góp phần bộc lộ và bổ sung thông

Soạn bài Ôn tập phần tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

nói	thể phản hồi để người nói có thể điều chỉnh, sửa đổi. Do sự giao tiếp diễn ra tức thì nên người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ, còn người nghe phải tiếp nhận, lĩnh hội kịp thời, ít có điều kiện suy ngẫm.	tin. Ngoài ra ngôn ngữ nói cũng có thể dùng nét mặt, cử chỉ điệu bộ làm phương tiện hỗ trợ.
Ngôn ngữ viết	Ngôn ngữ viết được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác. Cho nên muốn viết và đọc văn bản, cả người viết và người đọc đều phải biết các kí hiệu chữ viết, các quy tắc chính tả, các quy tắc tổ chức văn bản. Mặt khác, khi viết người viết có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn, gọt giũa, người đọc có điều kiện đọc lại và phân tích, nghiền ngẫm để lĩnh hội thấu đáo. Cũng nhờ vào sự ghi chép bằng chữ trong văn bản mà ngôn ngữ viết đến được với đông đảo người đọc trong phạm vi một không gian rộng lớn, thời gian lâu dài.	Ngôn ngữ viết không có ngữ điệu và sự phối hợp của các yếu tố hỗ trợ nhưng nó được hỗ trợ bởi hệ thống các dấu câu, các kí hiệu văn tự, hình ảnh minh họa, biểu bảng, sơ đồ...

Câu 3: Văn bản có những đặc điểm cơ bản nào? Hãy phân tích các đặc điểm ấy qua một văn bản cụ thể trong SGK Ngữ văn 10.

Trả lời:

*** Các đặc điểm chính của văn bản:**

- Có tính thống nhất về chủ đề.
- Liên kết câu chặt chẽ, các ý được kết cấu mạch lạc và có trình tự.
- Văn bản có dấu hiệu mở đầu và kết thúc.
- Mỗi văn bản nhằm thực hiện một mục đích giao tiếp nhất định (xem tại hướng dẫn bài học tuần 2, 3 trong tài liệu này).

*** Phân tích qua một văn bản cụ thể:**

Học sinh có thể chọn phân tích bài thơ: *Cảnh ngày hè* (Bảo kính cảnh giới, số 43) của Nguyễn Trãi.

Các ý chính cần chứng minh:

- Văn bản có tính thống nhất về chủ đề

Soạn bài Ôn tập phần tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

Bài thơ *Cảnh ngày hè* có chủ đề (cảm hứng chủ đạo) là ngâm vinh cảnh đẹp của thiên nhiên, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, tâm lòng đối với nước, với dân.

Theo đó, ta thấy toàn bài thơ đều tập trung vào việc bộc lộ cảm hứng chủ đạo.

+ Câu đầu (*Rồi hóng mát thuở ngày trường*) là câu mở đầu, nêu lên khung cảnh thường thức và miêu tả cảnh đẹp ngày hè.

+ Câu thơ thứ hai đã đi vào miêu tả cảnh đẹp của ngày hè, bắt đầu là cây lựu xanh tươi, tràn đầy sức sống:

“Hoè lục đùn đùn tán rợp dương”

(Cây hoè xanh sum suê, tán rợp ánh nắng mặt trời)

+ Hai câu 3-4 tiếp tục miêu tả cảnh cây và hoa xung quanh nhà.

“Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ

Hồng liên trì đã tiễn mùi hương”

(Cây thạch lựu ngoài hiên còn phun (hoa) màu đỏ

Hoa sen hồng ngoài ao đã ngát mùi hương)

Đây là cảnh thiên nhiên mang đặc trưng của mùa hè nơi thôn dã, hấp dẫn bởi chất thôn quê và tính dân tộc.

+ Hai câu 5-6 vẫn tiếp tục tả cảnh ngày hè, nhưng chuyển sang cảm nhận bằng thính giác:

“Lao xao chợ cá làng ngư phủ

Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương”

Những âm thanh mùa hè và không chỉ của thiên nhiên mà có cả âm thanh của con người (chợ cá) làm cho cảnh ngày hè thêm sinh động.

Bức tranh mùa hè qua sáu câu thơ đã gợi lên một thiên nhiên tươi đẹp, với cuộc sống thái bình, no đủ của nhân dân.

+ Hai câu 7- 8 kết thúc bài thơ bằng việc bộc lộ tâm trạng tác giả: đó là tâm trạng khoan khoái, thái độ ngợi ca đối với đất nước, với triều đại; đồng thời cũng là lời nhắc nhở các bậc quân vương phải luôn quan tâm đến người dân:

Soạn bài Ôn tập phần tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

“Để có Ngu cầm đàn một tiếng

Dân giàu đủ khắp đòi phương”

(Giá có đàn Ngu của vua Nghiêu Thuấn sẽ gây lên một khúc ca ngợi cuộc sống nhân dân giàu đủ khắp mọi phương).

Như vậy, toàn bộ bài thơ đều toát lên tình yêu thiên nhiên, tấm lòng rộng mở trước thiên nhiên và đằng sau đó là cảm hứng ngợi ca, ca ngợi đất nước thái bình, nhân dân ấm no hạnh phúc. Không một câu, một chữ nào nằm ngoài chủ đề đó. Do vậy, văn bản này thống nhất về mặt chủ đề.

- Liên kết câu chặt chẽ, các ý được kết cấu mạch lạc và có trình tự

Trong bài thơ, các câu, các ý có mối liên hệ chặt chẽ. Câu mở đầu là sự chuẩn bị cho năm câu tiếp theo với nội dung tả cảnh ngày hè. Hai câu kết là cảm hứng tất yếu nảy sinh từ bức tranh tả cảnh, đồng thời cũng lộ ra cảm hứng chủ đạo, xuyên suốt bài thơ, đó là tả cảnh để ngợi ca cuộc sống thái bình.

Các phương tiện liên kết chính: Phép đối, vần, luật... của bài thơ thất ngôn xen lục ngôn.

- Văn bản có dấu hiệu mở đầu và kết thúc.

+ Dấu hiệu mở đầu là: Câu thứ nhất - Đây là câu thơ giới thiệu hoàn cảnh của người ngâm vịnh, báo hiệu sau đó sẽ là những câu miêu tả cảnh vật. Về hình thức, đây là câu thơ 6 chữ, dùng để mở đầu bài thơ thất ngôn xen lục ngôn.

+ Dấu hiệu kết thúc cũng là một cặp câu thơ 6 và 7 chữ.

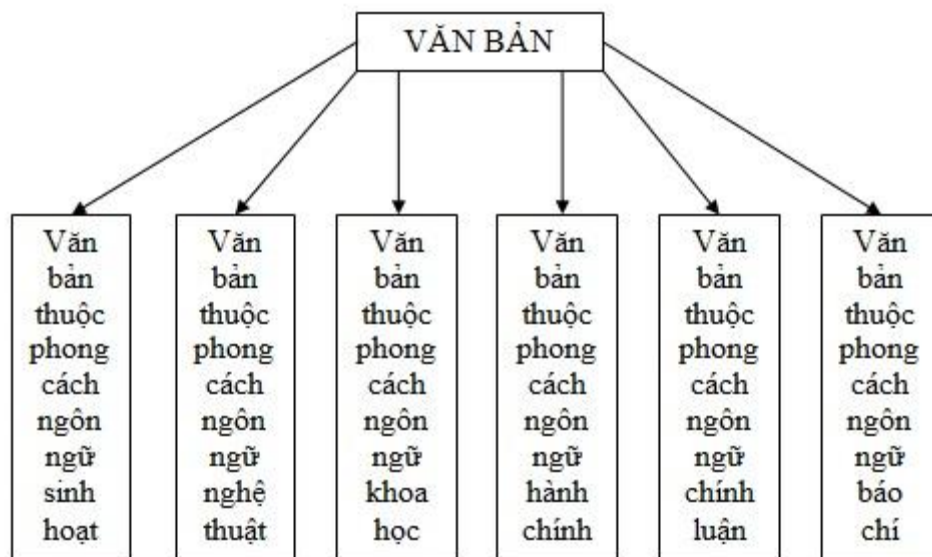
Về nghĩa, hai câu kết mở ra một hướng mới: không miêu tả mà phát biểu cảm xúc của tác giả. Đó cũng chính là cảm xúc chủ đạo của bài thơ.

- Mọi văn bản nhằm thực hiện một mục đích giao tiếp nhất định.

Bài thơ này hướng tới đích giao tiếp là ngợi ca cảnh đẹp thiên nhiên và cuộc sống thái bình.

Điền tên các loại văn bản (phân biệt theo phong cách ngôn ngữ) vào sơ đồ phân loại theo mẫu (SGK)

Soạn bài Ôn tập phần tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10



Câu 4: Lập bảng ghi các đặc điểm cơ bản cho thấy các đặc trưng của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật (SGK).

Trả lời:

Tham khảo bảng sau:

Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt	Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- Tính cụ thể	- Tính hình tượng
- Tính cảm xúc	- Tính truyền cảm
- Tính cá thể	- Tính cá thể hoá

Câu 5:

a) Trình bày khái quát về:

- Nguồn gốc của tiếng Việt.
- Quan hệ họ hàng của tiếng Việt.
- Lịch sử phát triển của tiếng Việt.

b) Anh (chị) hãy kể tên một số tác phẩm văn học Việt Nam:

Soạn bài Ôn tập phần tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

- Viết bằng chữ Hán.
- Viết bằng chữ Nôm.
- Viết bằng chữ Quốc ngữ.

Trả lời:

a.

- Nguồn gốc tiếng Việt

Tiếng Việt thuộc họ Nam Á, có quan hệ với các nhóm ngôn ngữ khác ngoài họ Nam Á. Tiếng Việt có quá trình phát triển riêng đầy sức sống gắn với sự trưởng thành mạnh mẽ của tinh thần dân tộc tự cường và tự chủ.

- Quan hệ họ hàng với tiếng Việt

Tiếng Việt có quan hệ họ hàng gần gũi với tiếng Mường, quan hệ họ hàng xa với tiếng Môn - Khơ-me; quan hệ láng giềng với nhiều ngôn ngữ khác ngoài họ Nam Á như nhóm Tày - Thái, nhóm Mã Lai - Nam Đảo...

- Lịch sử phát triển của tiếng Việt

+ Quá trình phát triển của tiếng Việt chia làm bốn thời kì:

- (1) Tiếng Việt trong thời kì dựng nước (thời dựng nước).
- (2) Tiếng Việt dưới thời kì độc lập, tự chủ (từ thế kỉ X đến 1858).
- (3) Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc (từ 1858 - 1945).
- (4) Tiếng Việt từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.

b. Một số tác phẩm văn học Việt Nam

- Viết bằng chữ Hán: *Nam quốc sơn hà*, *Thiên Trường vãn vọng*, *Hịch tướng sĩ*, *Chuyện người con gái Nam Xương*, *Hoàng Lê nhất thống chí*, *Bình Ngô đại cáo*...

- Viết bằng chữ Nôm: *Lục Vân Tiên*, *Truyện Kiều*, *Bánh trôi nước*, *Qua đèo Ngang*, *Quốc âm thi tập*,...

- Viết bằng chữ quốc ngữ: *Lão Hạc*, *Viếng lăng Bác*, *Đoàn thuyền đánh cá*,...

Soạn bài Ôn tập phần tiếng Việt - Ngữ văn lớp 10

Câu 6: Tổng hợp những yêu cầu sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn mực theo bảng (SGK)

Trả lời:

Về ngữ âm và chữ viết	Về từ ngữ	Về ngữ pháp	Về phong cách ngôn ngữ
- Cần phát âm đúng chuẩn âm. - Chữ viết đúng chính tả.	- Dùng từ đúng nghĩa. - Dùng từ địa phương phải chọn lọc. - Vay từ nước ngoài phải có ý thức Việt hoá.	- Nói, viết đúng câu. - Dùng câu đúng ngữ cảnh.	- Nói, viết đúng phong cách ngôn ngữ.

Câu 7: Trong những câu sau, câu nào anh (chị) cho là đúng (SGK).

Trả lời:

Câu đúng là: **b, d, g.**